

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2017/DS-ST

Ngày 17/8/2017

“V/v tranh chấp hợp
đồng tín dụng giữa
Ngân hàng C với chị M”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH BẮC GIANG

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Thế Đăng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đào Xuân Hải

Ông Trần Anh Dũng

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Vi Thị Lan Phương, Thư ký Tòa án.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa:* ông
Dương Đức Thắng, Kiểm sát viên

Ngày 17 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện T, tỉnh Bắc Giang tiến hành xét xử công khai vụ án dân sự thụ lý số 46/2016/TLST-DS ngày 05 tháng 5 năm 2017 về việc “tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 95/2017/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 7 năm 2017, quyết định hoãn phiên tòa số 63/2017/QĐST ngày 31/7/2017 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng C

Địa chỉ: số 1, phố L, phường H, quận H, thành phố H;

Do bà Vũ Thị Ngọc L - Phó Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng C huyện T, tỉnh Bắc Giang đại diện theo ủy quyền. (Có mặt).

- Bị đơn: chị Lê Thị M - sinh năm 1976 (vắng mặt)

Nơi cư trú: thôn T, xã H, huyện T, tỉnh Bắc Giang;

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Anh Vũ Văn Nh - sinh năm 1976 (có mặt)

Nơi cư trú: thôn T, xã H, huyện T, tỉnh Bắc Giang;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ghi ngày 30 tháng 3 năm 2017, bản tự khai ngày 05/05/2017 và các lời khai tiếp theo, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà Vũ Thị Ngọc L trình bày:

Căn cứ vào giấy đề nghị vay vốn của Lê Thị M và ông Vũ Văn Nh đã được phê duyệt, ngày 26/08/2008. Phòng giao dịch Ngân hàng C huyện T (gọi là Ngân hàng C) giải ngân cho bà Lê Thị M số tiền là 8.000.000

đồng thuộc chương trình cho vay hộ nghèo, theo khế ước số 6000001300128709, lãi suất 0,65%/tháng, thời gian cho vay 36 tháng, hạn trả nợ ngày 10/08/2011.

Đến hết thời hạn trả nợ bà M, ông Nh chưa trả được nợ, Ngân hàng C huyện T kéo dài thời hạn trả nợ đến ngày 10/08/2014, tuy nhiên hết thời gian gia hạn bà M vẫn không trả nợ. Ngày 10/08/2014 Ngân hàng C huyện T đã chuyển số tiền là 8.000.000 đồng sang nợ quá hạn, lãi suất 0,845%/tháng. Đến nay số tiền trên đã quá hạn lâu ngày nhưng bà M ông Nh vẫn không trả nợ cho Ngân hàng C huyện T. Mặc dù đã được UBND xã H, Hội đoàn thể nhận uỷ thác, Tổ trưởng tổ TK&VV và cán bộ Ngân hàng đôn đốc trả nợ. Tính đến 30/03/2017 bà M, ông Nh còn nợ số tiền gốc là: 8.000.000 đồng, lãi là 2.589.419 đồng. Tổng số : 10.589.419 đồng.

Bà Lê Thị M, ông Vũ Văn Nh đã vi phạm hợp đồng tín dụng, đây đưa không trả nợ cho Phòng giao dịch Ngân hàng C huyện T. Để thu hồi nợ cho Nhà nước, Ngân hàng C đề nghị Toà án nhân dân huyện T buộc bà Lê Thị M, ông Vũ Văn Nh phải trả nợ ngay cho Ngân hàng C huyện T số tiền gốc là 8.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh theo quy định của Ngân hàng C.

Tại phiên toà: bà L yêu cầu anh Nh và chị M phải trả 8.000.000 đồng tiền gốc, 2.904.884 đồng tiền lãi tính đến ngày 17/8/2017 và tiếp tục phải chịu lãi theo hợp đồng vay tiền từ ngày 18/8/2017 cho đến khi trả hết nợ.

Đối với bị đơn là chị M, Tòa án đã tiến hành tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa cho chị M nhưng chị không đến Tòa làm việc, hòa giải cũng như tham gia tố tụng tại phiên tòa nên Tòa án không thu thập được lời khai của chị M.

Tại phiên toà: chị M vắng mặt.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 13/6/2017, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là anh Vũ Văn Nh trình bày:

Anh kết hôn với chị M năm 1995 đến năm 2012 thì ly hôn, khi ly hôn thì anh và chị M tự thỏa thuận về tài sản chung và công nợ chứ không yêu cầu Tòa án giải quyết. Năm 2008, anh và chị M có vay của Ngân hàng C huyện T số tiền 8.000.000đ theo chương trình cho vay hộ nghèo, thời hạn vay là 03 năm, lãi suất bao nhiêu thì anh không nhớ, mục đích vay là để cho chị M đi học ngoại ngữ để đi xuất khẩu lao động. Anh thừa nhận chữ viết và chữ ký “Nh – Vũ Văn Nh” trong bản sao sổ vay vốn mà Ngân hàng nộp cho Tòa án đúng là chữ của anh viết. Sau khi vay tiền của Ngân hàng C thì anh là người trả tiền lãi hàng tháng nhưng anh không nhớ mỗi tháng trả bao nhiêu, đến khi anh và chị M ly hôn thì anh không trả lãi cho Ngân hàng C nữa.

Nay anh không đồng ý với yêu cầu của Ngân hàng C yêu cầu anh và chị M cùng thanh toán số nợ 8.000.000đ và tiền lãi. Vì lý do khi ly hôn thì

anh và chị M đã thỏa thuận là anh để cho mẹ con chị M toàn quyền quản lý và sử dụng toàn bộ nhà đất và tài sản trên đất là tài sản chung của anh chị khi còn là vợ chồng, đồng thời chị M phải có trách nhiệm trả toàn bộ khoản nợ của Ngân hàng C. Việc thỏa thuận chia tài sản và công nợ giữa anh và chị M là thỏa thuận miệng chứ không lập văn bản gì.

Tại phiên tòa: anh Nh giữ nguyên ý kiến.

Đại diện VKSND huyện T phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng đều thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng theo đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào ý kiến đề nghị của các đương sự. Căn cứ vào kết quả thảo luận nghị án. Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về thủ tục tố tụng: Ngày 26/8/2008, Phòng giao dịch Ngân hàng C huyện T (gọi là Ngân hàng C) đã cho chị M và anh Nh vay vốn chăn nuôi với số tiền 8.000.000 đồng, thời hạn vay 36 tháng, hạn trả nợ là ngày 10/8/2011 nhưng đến hạn anh Nh chị M không trả được nợ nên Ngân hàng C dẫn nợ đến ngày 10/8/2014. Đến nay mặc dù được đôn đốc nhiều lần nhưng anh chị vẫn chưa trả nợ nên Ngân hàng C khởi kiện ngày 03/5/2017. Tòa án nhân dân huyện T đã thụ lý giải vụ án theo thủ tục tố tụng dân sự là đúng pháp luật, đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành hòa giải nhưng không thành nên đưa vụ án ra xét xử là đúng quy định.

Đối với chị Lê Thị M là bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

2. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Ngày 26/8/2008, tại hợp đồng tín dụng số 6000001300128709, Ngân hàng C cho chị M và anh Nh vay vốn chăn nuôi với số tiền 8.000.000 đồng, lãi suất 0,65%/tháng, thời hạn vay 36 tháng, hạn trả nợ là ngày 10/8/2011 nhưng đến hạn anh Nh chị M không trả được nợ nên Ngân hàng dẫn nợ đến ngày 10/8/2014. Tuy nhiên đến ngày 10/8/2014 anh chị vẫn không trả được nợ nên Ngân hàng C đã chuyển số tiền 8.000.000đ sang nợ quá hạn với lãi suất 0,845%/tháng. Đến nay mặc dù được đôn đốc nhiều lần nhưng anh chị mới trả được 3.302.000 đồng tiền lãi, tính đến ngày 30/3/2017 anh Nh và chị M còn nợ số tiền 10.589.419đ dẫn đến phía ngân hàng khởi kiện ra Tòa án yêu cầu buộc anh chị phải trả nợ. Như vậy quan hệ tranh chấp trong vụ án này là tranh chấp hợp đồng tín dụng.

3. Về yêu cầu trả nợ của Ngân hàng C, HĐXX thấy: chị M và anh Nh đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ của người vay đối với Ngân hàng C. Mặc dù, Ngân hàng C đã nhiều lần đôn đốc, nhắc nhở thanh toán số tiền đã vay nhưng anh chị không trả nợ là vi phạm về thời hạn và nghĩa vụ trả nợ theo cam kết trong khế ước nhận nợ. Do vậy, Ngân hàng C yêu cầu anh chị trả số nợ gốc 8.000.000 đồng và 2.904.884 đồng tiền lãi tính đến ngày 17/8/2017, đồng thời tiếp tục phải chịu lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng số 6000001300128709 ngày 26/8/2014 kể từ ngày 18/8/2017 cho đến khi trả xong số nợ trên là hoàn toàn có căn cứ và được chấp nhận theo quy định tại Điều 471 và khoản 1, 5 Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005; khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng.

4. Về trách nhiệm trả nợ: Khi vay tiền thì anh Nh và chị M có quan hệ hôn nhân hợp pháp, anh chị vay vốn với mục đích ban đầu là để chăn nuôi, tuy nhiên anh chị đã dùng tiền vay để cho chị M học ngoại ngữ nhằm đi xuất khẩu lao động để phát triển kinh tế gia đình nên anh chị phải có trách nhiệm liên đới trả nợ cho Ngân hàng C. Mặc dù anh Nh trình bày, khi ly hôn năm 2013 thì anh chị đã thỏa thuận với nhau là chị M được sở hữu toàn bộ tài sản chung của vợ chồng và phải trả khoản nợ này nhưng đó là thỏa thuận miệng, không có căn cứ chứng minh. Nay ngân hàng yêu cầu cả hai anh chị phải trả số tiền nợ còn lại là có căn cứ chấp nhận. Do anh chị đã ly hôn nên buộc chị M phải trả $\frac{1}{2}$ số nợ là 4.000.000 đồng tiền gốc và 1.452.442 tiền lãi, buộc anh Nh phải trả $\frac{1}{2}$ số nợ còn lại là 4.000.000 đồng tiền gốc và 1.452.442 tiền lãi. Anh Nh và chị M còn phải tiếp tục chịu lãi phát sinh theo hợp đồng vay vốn tương ứng với phần trách nhiệm trả nợ của mình cho đến khi trả xong.

5. Về án phí: Chị M và anh Nh mỗi người phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Điều 471, khoản 1, 5 Điều 474, khoản 1 Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005

Điều 30, Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng;

Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng C đối với chị Lê Thị M.

- Buộc chị Lê Thị M phải trả cho Ngân hàng C số tiền 5.452.442 đồng (năm triệu bốn trăm năm mươi hai nghìn bốn trăm bốn mươi hai đồng). Trong đó có 4.000.000 đồng tiền gốc và 1.452.442 đồng tiền lãi tính đến ngày 17/8/2017.

Chị Lê Thị M phải chịu lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng số số 6000001300128709 ngày 26/8/2008 kể từ ngày 18/8/2017 cho đến khi trả xong số nợ trên.

- Buộc anh Vũ Văn Nh phải trả cho Ngân hàng C số tiền 5.452.442 đồng (năm triệu bốn trăm năm mươi hai nghìn bốn trăm bốn mươi hai đồng). Trong đó có 4.000.000 đồng tiền gốc và 1.452.442 đồng tiền lãi tính đến ngày 17/8/2017.

Anh Vũ Văn Nh phải chịu lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng số số 6000001300128709 ngày 26/8/2008 kể từ ngày 18/8/2017 cho đến khi trả xong số nợ trên.

2. Án phí:

- Chị Lê Thị M phải chịu phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Anh Vũ Văn Nh phải chịu phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyền kháng cáo: nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Phạm Thế Đăng